

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Kim H**, sinh năm 1995

Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ hiện nay: Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2023 của chị Hồ Thị Kim H, bản tự khai của các đương sự, phiên hòa giải ngày 22/9/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Hồ Thị Kim H trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Danh T đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 10/12/2013 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh K vào năm 2013 và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 người con chung là cháu Danh Chí T, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Danh Chí Th, sinh ngày 21/10/2018 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8/2023 cho đến nay. Chúng tôi không có tài sản

chung và không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Danh T thường xuyên nhậu nhẹt say sưa, hay chửi tôi và cha mẹ của anh Danh T vô cớ nên vào năm 2021, tôi đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để yêu cầu được ly hôn với anh Danh T nhưng sau đó tôi đã rút đơn về để tạo điều kiện cho anh Danh T sửa đổi; nhưng anh Danh T vẫn không sửa đổi, lại thường ghen tuông vô cớ, luôn kiếm cớ đánh chửi tôi. Vào ngày 05/5/2022 âm lịch, tôi về thăm cha tôi bị bệnh nhưng anh Danh T không cho và lại kiếm cớ đánh đập tôi trong lúc tôi vừa bị sảy thai nên tôi đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống, chúng tôi đã ly thân từ đó cho đến nay.

Tôi làm nghề nail, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Danh T.
- Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Chí T, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Danh Chí Th, sinh ngày 21/10/2018 cho đến khi cháu Danh Chí T, cháu Danh Chí Th tròn 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Danh T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Anh Danh T trình bày:

Chị Hồ Thị Kim H trình bày về hôn nhân, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Năm 2021, chị Hồ Thị Kim H có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu được ly hôn với tôi nhưng đã rút đơn về. Sau này tôi và chị Hồ Thị Kim H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do vào khoảng tháng 8/2022 dương lịch (tôi không nhớ ngày âm lịch), khi chị Hồ Thị Kim H đi làm về thì chị H đi về nhà cha mẹ ruột chị H luôn, tôi có khuyên chị H về nhà gia đình tôi sinh sống như trước nhưng chị H không về, tôi nóng giận có tát chị H 01 bạt tai, chị H ly thân với tôi từ đó cho đến nay.

Tôi làm nghề thợ hồ, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 08 đến 9.000.000 đồng.

Ý kiến của tôi như sau:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị Kim H vì tôi còn thương chị Hoài.
- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho tôi và chị Hồ Thị Kim H ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Chí T, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Danh Chí Th, sinh ngày 21/10/2018 cho đến khi cháu Danh Chí T, cháu Danh Chí Th tròn 18 tuổi. Tôi không yêu cầu chị Hồ Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Tại phiên tòa,*

Chị Hồ Thị Kim H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu nêu trên.

Anh Danh T thừa nhận anh thường xuyên nhậu nhẹt và có đánh chị H ba lần, xác định anh và chị Hồ Thị Kim H ly thân từ ngày 05/5/2022 âm lịch cho đến nay; anh không đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị Kim H; nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Hồ Thị Kim H ly hôn thì anh đồng ý cho chị Hồ Thị Kim H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Chí T và cháu Danh Chí Th cho đến khi cháu Danh Chí T, cháu Danh Chí Th tròn 18 tuổi, anh Danh T tới lui thăm nom con, không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2013, chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 07/9/2023, chị Hồ Thị Kim H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn anh Danh T và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh Danh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án, anh Danh T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim H:

2.1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh K cùng vào năm 2013 và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186/2013 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Hồ Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

Xét rằng: Theo sự thừa nhận của các đương sự, vào năm 2021, chị Hồ Thị Kim H có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu được ly hôn

với anh Danh T nhưng đã rút đơn về để tạo điều kiện cho anh Danh T sửa đổi; sau đó, hai bên lại phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ ngày 05/5/2022 âm lịch cho đến nay; ngày 07/9/2023, chị H lại gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu được ly hôn với anh Danh T lần thứ hai. Tòa án đã tiến hành hòa giải hôn nhân giữa chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T trước khi mở phiên tòa nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã cố gắng động viên, nhưng chị Hồ Thị Kim H vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Danh T. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Kim H đối với anh Danh T.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T tự nguyện xác định là anh, chị có hai người con chung là cháu Danh Chí T, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Danh Chí Th, sinh ngày 21/10/2018.

Xét rằng: Chị Hồ Thị Kim H đã trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con từ tháng 8/2023 cho đến nay, hiện nay chị Hồ Thị Kim H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Danh Chí T vào ngày 22/9/2023 (BL 23), nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cả hai cháu Danh Chí T, Danh Chí Th, xét ý kiến của anh Danh T tại phiên tòa, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T, cho chị Hồ Thị Kim H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Chí T và cháu Danh Chí Th cho đến khi cháu Danh Chí T, cháu Danh Chí Th tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Hồ Thị Kim H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kim H.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án

phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Hồ Thị Kim H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Hồ Thị Kim H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồ Thị Kim H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000998, ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Hồ Thị Kim H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T.

2- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T: Cho chị Hồ Thị Kim H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Chí T, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Danh Chí Th, sinh ngày 21/10/2018 cho đến khi cháu Danh Chí T, cháu Danh Chí Th tròn 18 tuổi; anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi nuôi con: Do chị Hồ Thị Kim H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Hồ Thị Kim H và anh Danh T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Hồ Thị Kim H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Hồ Thị Kim H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồ Thị Kim H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000998, ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Hồ Thị Kim H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án **(28/9/2023)**.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND xã Thạnh Lộc, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương